|  |  |
| --- | --- |
|  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM** Số /2013/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2013*  |

DỰ THẢO LẦN 3

**THÔNG TƯ**

**Quy định về xử lý tiền giả, nghi giả trong ngành ngân hàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ tiền Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về xử lý tiền giả, nghi giả trong ngành ngân hàng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả, giám định tiền giả, tiền nghi giả, đóng dấu tiền giả, đóng gói, giao nhận, bảo quản, vận chuyển và tiêu huỷ tiền giả trong ngành ngân hàng.

**Điều 2**. **Đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân có tiền giả, tiền nghi giả trong giao dịch tiền mặt với các tổ chức được quy định tại Khoản 1, Điều này.

**Điều 3**. **Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiền giả là những loại tiền được làm giống như tiền Việt Nam nhưng không phải Ngân hàng Nhà nước tổ chức in, đúc, phát hành.

2. Tiền giả loại mới là loại tiền giả chưa được Ngân hàng Nhà nước (hoặc Bộ Công an) thông báo bằng văn bản.

3. Tiền nghi giả là tiền chưa kết luận được là tiền thật hay tiền giả.

4. Đặc điểm bảo an: là những đặc điểm có trên đồng tiền để phân biệt tiền thật, tiền giả.

5. Khách hàng là tổ chức, cá nhân giao dịch tiền mặt với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4**. **Trách nhiệm của đơn vị thu giữ, giám định tiền giả, tiền nghi giả**

1.Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi phát hiện tiền giả phải lập biên bản thu giữ và xử lý theo Điều 5; khi phát hiện tiền nghi giả phải lập biên bản tạm thu giữ và xử lý theo Điều 6 Thông tư này.

2.Người làm công tác thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả phải được đào tạo, tập huấn kỹ năng nhận biết tiền thật, tiền giả hoặc nghiệp vụ giám định tiền.

Người làm công tác giám định tiền giả, tiền nghi giả của Ngân hàng Nhà nước phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tiền, do Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan chuyên môn Nhà nước cấp.

3.Nghiêm cấm hành vi trả lại tiền giả, tiền nghi giả cho khách hàng.

**Điều 5.** **Thu giữ tiền giả**

1. Trong giao dịch tiền mặt với khách hàng, khi phát hiện đồng tiền có dấu hiệu nghi vấn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối chiếu với đặc điểm bảo an của tiền mẫu (hoặc tiền thật) cùng loại và căn cứ vào thông báo của Ngân hàng Nhà nước (hoặc Bộ Công an) về đặc điểm nhận biết tiền giả để kết luận.

a) Trường hợp khẳng định đồng tiền có dấu hiệu nghi vấn là loại tiền giả đã được Ngân hàng Nhà nước (hoặc Bộ Công an) thông báo bằng văn bản, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lập biên bản (Phụ lục số 1), thu giữ và đóng dấu, bấm lỗ tiền giả. Việc đóng dấu, bấm lỗ tiền giả thực hiện theo Khoản 2, Điều 7 Thông tư này.

b) Đối với tiền giả loại mới, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập biên bản (Phụ lục số 1), thu giữ (không đóng dấu, bấm lỗ tiền giả); thông báo vàgửi toàn bộ tiền giả loại mới trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn. Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 11 Thông tư này.

2. Đơn vị thu giữ tiền giả có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan công an nơi gần nhất để phối hợp, xử lý khi có dấu hiệu nghi vấn tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả hoặc khi phát hiện tiền giả loại mới hoặc phát hiện từ 5 tờ tiền giấy giả (hoặc 5 miếng tiền kim loại giả) trở lên trong một giao dịch hoặc khi khách hàng không chấp hành việc lập biên bản, thu giữ tiền giả.

3. Trường hợp thực hiện kiểm đếm tờ (miếng) trong giao nhận tiền mặt giữa các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, giữa các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng (chi nhánh tổ chức tín dụng), giữa các tổ chức tín dụng (chi nhánh tổ chức tín dụng) trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố, khi phát hiện tiền giả trong bó/túi tiền, Hội đồng kiểm đếm lập biên bản, xử lý như đối với tiền giả phát hiện trong giao dịch tiền mặt; đồng thời, xử lý như trường hợp thiếu tiền mặt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 6**. **Tạm thu giữ tiền nghi giả**

Trong giao dịch tiền mặt với khách hàng, khi phát hiện tiền nghi giả, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập biên bản (Phụ lục số 2) và tạm thu giữ tiền nghi giả.

1. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày tạm thu giữ, chuyển tiền nghi giả đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn và đề nghị giám định (Phụ lục số 4).

2. Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, thực hiện theo quy định tại điểm d, Khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

**Điều 7**. **Đóng dấu, bấm lỗ tiền giả**

1. Dấu tiền giả

Dấu tiền giả hình chữ nhật; kích thước: 20mm x 60mm; phần tên đơn vị: 7mm x 60mm, phần chữ “TIỀN GIẢ”: 13mm x 60mm. Dấu tiền giả sử dụng mực màu đỏ, khó phai.

|  |
| --- |
| (Tên đơn vị) |
| **TIỀN GIẢ** |

2. Cách thức đóng dấu, bấm lỗ tiền giả

Đóng dấu “tiền giả” lên 2 mặt của tờ tiền giả, mỗi mặt đóng một lần và bấm 4 lỗ trên tờ tiền giả (mỗi cạnh chiều dài tờ tiền giả bấm 2 lỗ tròn cân đối, bằng dụng cụ

bấm lỗ tài liệu dùng cho văn phòng).

**Điều 8**. **Đóng gói, bảo quản tiền giả**

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch có trách nhiệm đóng gói, niêm phong tiền giả. Niêm phong tiền giả được thực hiện theo quy định về niêm phong tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước nhưng phải được đóng dấu “TIỀN GIẢ” để phân biệt với tiền thật.

2. Đóng gói, niêm phong tiền giả

a) Tiền cotton giả, tiền polymer giả: 100 tờ tiền cùng mệnh giá, cùng chất liệu đóng thành 1 thếp; 10 thếp đóng thành 1 bó (1.000 tờ) và niêm phong. Trường hợp không đủ 1.000 tờ cũng thực hiện đóng bó và niêm phong; không đủ 100 tờ đóng vào phong bì (sau đây gọi tắt là đóng bì) và niêm phong.

b) Tiền kim loại giả: 100 miếng cùng mệnh giá được đóng thành 1 túi nhỏ và niêm phong; 10 túi nhỏ đóng thành một túi lớn (1.000 miếng) và niêm phong. Trường hợp không đủ 100 miếng hoặc không đủ 1.000 miếng cũng đóng túi và niêm phong.

3. Tiền giả được bảo quản riêng trong kho tiền của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 9.** **Giao nhận, vận chuyển tiền giả**

1. Giao nhận tiền giả giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch thực hiện theo tờ (hoặc miếng đối với tiền kim loại giả), giao nộp hàng tháng (trừ trường hợp tiền giả loại mới giao nộp theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư này). Đơn vị giao lập biên bản giao nhận tiền giả (Phụ lục số 3).

Phương thức vận chuyển tiền giả do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực của từng tờ tiền giả do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao nộp.

Trường hợp phát hiện tiền thật trong số tiền giả giao nộp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch lập biên bản, yêu cầu đơn vị giao nộp phải hoàn trả ngang giá trị cho khách hàng và báo cáo kết quả trong thời gian 30 ngày làm việc. Đơn vị, cá nhân thu giữ nhầm tiền thật của khách hàng phải chịu trách nhiệm đối với khách hàng về hậu quả (nếu có).

Tờ tiền thật đã đóng dấu “Tiền giả”, bấm lỗ được cắt góc (1/8 diện tích tờ tiền),thu hồi và đổi ngang giá trị (ghi Có) cho đơn vị giao nộp (không thu phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông); được hạch toán, bảo quản như tiền không đủ

tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch giao nộp tiền giả về Kho tiền Trung ương hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định ít nhất 1 lần trong 6 tháng (nếu có), kết hợp với việc điều chuyển tiền đi, đến của Ngân hàng Nhà nước. Việc giao nhận thực hiện theo bó, bì, túi nguyên niêm phong, kèm Biên bản giao nhận tiền giả (Phụ lục số 3) của đơn vị giao.

4. Đối với tiền giả loại mới, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch giao nộp theo yêu cầu của Cục Phát hành và Kho quỹ (Ngân hàng Nhà nước); phương thức vận chuyển do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch quyết định, đảm bảo an toàn, kịp thời.

**Điều 10**. **Giám định tiền giả, tiền nghi giả**

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giám định tiền giả, tiền nghi giả cần có đề nghị bằng văn bản (Phụ lục số 4) và trực tiếp chuyển tiền giả, tiền nghi giả cần giám định tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn, Sở Giao dịch, Cục Phát hành và Kho quỹ (tại Hà Nội) hoặc Chi cục Phát hành và Kho quỹ (tại thành phố Hồ Chí Minh).

2. Kết quả giám định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Phát hành và Kho quỹ được thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu giám định trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị giám định. Việc giám định được thực hiện miễn phí.

**Điều 11. Xử lý kết quả giám định**

1. Tại Cục Phát hành và Kho quỹ và Chi cục Phát hành và Kho quỹ.

a) Kết quả giám định là tiền thật, số tiền thật được trả lại cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định hoặc được nộp vào Sở Giao dịch (khi giám định tại Cục Phát hành và Kho quỹ) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP Hồ Chí Minh (khi giám định tại Chi cục Phát hành và Kho quỹ) để báo Có cho đơn vị đề nghị giám định.

b) Kết quả giám định là tiền giả đã có thông báo của Ngân hàng Nhà nước (hoặc Bộ Công an), thực hiện thu giữ, đóng dấu, bấm lỗ tiền giả và nộp vào Kho tiền Trung ương tại Hà Nội (Kho tiền I) hoặc Chi cục Phát hành và Kho quỹ.

c) Kết quả giám định là tiền giả loại mới, thông báo kịp thời cho Bộ Công an (Cục An ninh Tài chính, Tiền tệ và Đầu tư) và thực hiện thu giữ nhưng không đóng

dấu, bấm lỗ.

2. Tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch.

a) Kết quả giám định là tiền thật, số tiền thật được trả lại hoặc thu đổi hoặc cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định và được hạch toán, bảo quản như tiền không

đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

b) Kết quả giám định là loại tiền giả đã có thông báo của Ngân hàng Nhà nước (hoặc Bộ Công an), thực hiện thu giữ, đóng dấu, bấm lỗ tiền giả.

c) Kết quả giám định là tiền giả loại mới, thông báo ngay cho Phòng An ninh Tài chính, Tiền tệ, Đầu tư hoặc Phòng An ninh Kinh tế (thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); thông báo và chuyển tiền giả về Cục Phát hành và Kho quỹ theo quy định tại Khoản 4, Điều 9 Thông tư này.

d) Trường hợp không kết luận được là tiền thật hay tiền giả, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch chuyển số tiền cần giám định trong thời gian sớm nhất về Cục Phát hành và Kho quỹ hoặc Chi cục Phát hành và Kho quỹ để giám định. Kết quả giám định được thực hiện theo Khoản 1, Điều 11 Thông tư này.

3. Tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khi nhận được kết quả giám định.

a) Nếu là tiền thật, số tiền thật được trả lại hoặc ghi Có cho khách hàng.

b) Nếu là tiền giả, thông báo kết quả giám định của cơ quan giám định cho khách hàng biết.

4. Đối với tiền giả, tiền nghi giả giám định theo yêu cầu của cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, sau khi giám định được trả lại đơn vị đề nghị giám định, không đóng dấu, bấm lỗ. Việc giao nhận tiền giả, tiền nghi giả được lập biên bản và ghi rõ thông tin về loại tiền, số lượng, seri.

**Điều 12. Lưu giữ tiền giả phục vụ công tác phòng, chống tiền giả của Ngân hàng Nhà nước**

 Tiền giả loại mới sau khi thực hiện phân tích, giám định và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan, Cục Phát hành và Kho quỹ được lưu giữ, bảo quản tối đa 15 tờ (miếng)/loại để phục vụ công tác nghiên cứu, phòng, chống tiền giả và tập huấn nghiệp vụ (ngoại trừ tiền giả, tiền nghi giả giám định theo Khoản 4, Điều 11 Thông tư này). Trường hợp cần lưu giữ, bảo quản nhiều hơn 15 tờ (miếng)/loại, Cục Phát hành và Kho quỹ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

 **Điều 13**. **Thu hồi và tiêu huỷ tiền giả**

1. Ngân hàng Nhà nước tổ chức thu hồi tiền giả do các tổ chức, cá nhân chủ động giao nộp hoặc bị phát hiện, thu giữ trong giao dịch tiền mặt với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng Nhà nước tổ chức tiêu huỷ tiền giả theo quy định như đối với tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

3. Việc tiêu huỷ tiền giả là tang vật của các vụ án hình sự thực hiện theo quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự.

**Điều 14**. **Thông tin về tiền giả**

1. Ngân hàng Nhà nước (Cục Phát hành và Kho quỹ) thực hiện phân tích, giám định và thông báo bằng văn bản về đặc điểm nhận biết tiền giả loại mới gửi Cục An ninh Tài chính, Tiền tệ và Đầu tư; Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an); Cục Trinh sát Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng Nhà nước (Hội sở chính) để phục vụ công tác phòng, chống tiền giả.

2. Khi nhận được thông báo bằng văn bản về đặc điểm nhận biết tiền giả loại mới của Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải thông báo cho tổ chức tín dụng (chi nhánh tổ chức tín dụng), chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn để cảnh giác, phòng ngừa tiền giả.

3. Trường hợp cần thiết, Cục Phát hành và Kho quỹ thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước về đặc điểm nhận biết của tiền giả xuất hiện trong lưu thông để các tổ chức, cá nhân cảnh giác, chủ động phòng ngừa.

**Điều 15.** **Báo cáo, hạch toán, kiểm kê**

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo số liệu tiền giả thu giữ theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về báo cáo thống kê.

2. Tiền giả được hạch toán ngoại bảng và kiểm kê định kỳ (hoặc đột xuất) theo quy định.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện**

1. Cục Phát hành và Kho quỹ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này đối với tổ chức tín dụng (chi nhánh tổ chức tín dụng), chi nhánh ngân

hàng nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong hệ thống.

**Điều 17**. **Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Khen thưởng

Hàng năm, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Thông tư này được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc khen thưởng theo quy định của pháp luật và ngành ngân hàng.

2. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

 **Điều 18. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ..… tháng … năm 2013 và thay thế Quyết định số 28/2008/QĐ-NHNN ngày 10/10/2008 ban hành quy định về việc xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngành ngân hàng.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** ` - Như Điều 19;- Văn phòng chính phủ;- Phòng Công báo – VPCP;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Bộ Tài chính; - Lưu: VP, PHKQ (5 bản). | **THỐNG ĐỐC** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 Phụ lục số 1

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Về việc thu giữ tiền giả**

Hôm nay, vào hồi .......h......, ngày …. /….../ ….. tại………………..…….…

..….........................................................……………………, chúng tôi gồm:

1. Đơn vị thu giữ tiền giả:

(Tên đơn vị)……………………….., Địa chỉ: …………………………………..

- Ông (bà): ………..……….....……, Chức vụ: ………..…………................…

- Ông (bà): …..……………............, Chức vụ: …...…..……………..………..

2. Người nộp tiền (khách hàng):

 CMND (hộ chiếu) số: ......................., cấp ngày.......... tại ............................

 ĐT: ......................................................................................................................

Địa chỉ: ...............................................................................................................

Số tiền nộp: ............................, bằng chữ: ......................................................

..........................................................................................................................................

Căn cứ vào Công văn số …/NHNN-PHKQ9.m ngày …/…/… của Ngân hàng Nhà nước thông báo về đặc điểm tiền giả …..; đối chiếu đặc điểm bảo an của tiền mẫu (tiền thật) cùng loại.

 Trong khi kiểm đếm số tiền khách hàng nộp đã phát hiện tiền giả như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tiền giả** | **Số tờ (miếng)** | **Sêri** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

Căn cứ Khoản 5, Điều 4, Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30/6/ 2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v bảo vệ tiền Việt Nam và Thông tư số ..../2013/TT-NHNN ngày….. tháng...... năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, chúng tôi lập biên bản thu giữ số tiền giả nêu trên.

Biên bản được lập thành 3 bản, 1 bản giao cho khách hàng, 2 bản lưu tại đơn vị thu giữ tiền giả./.

 **Khách hàng Người thu giữ tiền giả Thủ trưởng đơn vị**

*(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên*

 *và đóng dấu)*

*Ghi chú:* Người thu giữ tiền giả: kiểm ngân, thủ quỹ hoặc giao dịch viên;

 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 Phụ lục số 2

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Về việc tạm thu giữ tiền nghi giả**

Hôm nay, vào hồi ....h......, ngày ...... /…../…... tại ....... , chúng tôi gồm:

1. Đơn vị tạm thu giữ tiền nghi giả:

(Tên đơn vị)………………………..………, Địa chỉ: ……...…………………

- Ông (bà): …………………….………….., Chức vụ: …………..………….. - Ông (bà): …………………………………, Chức vụ: …………..…………..

2. Người nộp tiền (khách hàng):

Họ và tên: …………………………………………………………….………….

 CMND (hộ chiếu) số: ……..…………… , cấp ngày .............. tại ...............

 ĐT: ……………………………………………..…………………………….…..

Địa chỉ: ………………………………….………………………………………..

Số tiền nộp: ………………. bằng chữ: ……………………………………….

 Trong khi kiểm đếm tiền khách hàng nộp đã phát hiện tiền nghi giả như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tiền nghi giả** | **Số tờ (miếng)** | **Sêri** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

Căn cứ Khoản 5, Điều 4, Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30/6/ 2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v bảo vệ tiền Việt Nam và Thông tư số ..../2013/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Chúng tôi lập biên bản tạm thu giữ số tiền nghi giả nêu trên để gửi đi giám định. Khi có kết quả giám định, chúng tôi sẽ thông báo kết quả cho khách hàng.

Biên bản được lập thành 3 bản, 1 bản giao cho người nộp tiền, 2 bản lưu tại đơn vị tạm thu giữ tiền nghi giả./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Khách hàng** *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Người tạm thu giữ**  *(ký, ghi rõ họ tên)*  |  **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

*Ghi chú:* Người tạm thu giữ: kiểm ngân, thủ quỹ hoặc giao dịch viên;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 Phụ lục số 3

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**V/v giao, nhận tiền giả**

Hôm nay, ngày ...... tháng ...... năm ......, chúng tôi gồm:

1. Bên giao: (Tên đơn vị ngân hàng) ……………………………

- Ông (bà)................................ Chức vụ: ...................................

- Ông (bà) .............................. Chức vụ: ...................................

- Ông (bà) .............................. Chức vụ: ...................................

2. Bên nhận: (Tên đơn vị ngân hàng)…………………………….

- Ông (bà) ............................... Chức vụ: .....................................

- Ông (bà) ............................... Chức vụ: ....................................

Theo Giấy Ủy nhiệm số …/UN-……………. ngày … tháng … năm …. của ……………….

Hai bên đã giao, nhận số tiền giả như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại tiền giả** | **Số lượng (tờ, miếng)** | **Thành tiền (đồng)** | **Vần sêri** | **Ghi chú** |
| **Cotton** | **Polymer** | **Kim loại** | **Tổng** |
| 1 | 500.000đ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 200.000đ |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 100.000đ |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 50.000đ |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 20.000đ |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |

Phương thức giao, nhận: theo tờ (TCTD nộp tiền giả về NHNN CN, Sở Giao dịch) hoặc theo bó, túi, bì nguyên niêm phong (NHNN CN nộp tiền giả về Kho tiền TW, NHNN CN tỉnh Bình Định).

Biên bản được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

 **BÊN GIAO BÊN NHẬN**

*Ghi chú:* -Ngân hàng giao lập biên bản này.

- Tùy trường hợp, có thể bổ sung các thành phần liên quan của bên giao và bên nhận.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 Phụ lục số 4

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *........., ngày ........ tháng ...... năm......*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Giám định tiền giả, tiền nghi giả**

Kính gửi: (tên cơ quan giám định – NHNN, Cục PH&KQ...)

 Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị giám định: ......................................

 Địa chỉ: .......................................................

 Điện thoại: ....................................................

 Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám định số tiền giả, tiền nghi giả như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tiền**  | **Số tờ (miếng)** | **Sêri** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

 **TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ GIÁM ĐỊNH**

 *(ký tên, đóng dấu nếu có)*